

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, điển nghĩa, điển giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Hạc nội mây ngàn

Kiều có câu: “*Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu*”.

Hạc ở ngoài đồng – Mây ở trên núi.

Hạc nội mây ngàn chỉ những người không có trú quán nhất định. Chữ không phải theo nghĩa “cưỡi hạc về trời” như hay thường dùng qua văn truyện.

Hò, hát

Hò là hô lên, như: *Hò nước* có hò kéo lưới, hò mái nhì, hò mái đẩy... *Hò cạn* có hò kéo gổ, hò xay lúa, hò giã gạo, hò cấy...v.v..

Hát lúc nhàn rồi. Miền Bắc có hát quan họ (Bắc Ninh), hát xoan (Phú Thọ), hát đúm (Hưng Yên). Miền Trung có hát ví, hát giặm (Nghệ Tĩnh), hát bài chòi, ca Huế. Miền Nam có điệu lý như “Lý ngựa ô”, “Lý qua cầu”.

Từ quê lên thành phố có hát xẩm, hát chầu văn, hát ca trù (còn gọi là hát nhà tơ, hát nhà trò, hát ả đào, hát cô đầu).

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Truyện cực ngắn - Thời trần

Mỗi lần gần gũi, tôi thường vuốt ve bàn chân ngà ngọc của nàng, rồi cẩn nhẹ vào gót sen đỏ. Nhưng sao hôm nay gót chân nàng lại dịu mềm và mát rượi thế nhỉ. Khi tôi đưa miệng cẩn nhẹ vào chân nàng, miếng thịt ấy chọt mềm mại như đông sương, ngọt thanh như một miếng thạch dừa, ngon không thể tả. Tôi phải ăn hết hai bàn chân nàng mới đủ no. Nhưng liệu vì tôi mà nàng có thể trở thành tàn phế không? Dù sao, nàng cũng không cảm thấy đau đớn gì và tôi cũng không thấy máu chảy ra, da thịt nàng mau chóng lên da non và liền lại. Từ chỗ đó, một bàn chân nhỏ xíu như của em bé nhú dần và nở ra. Đúng ba tháng sau thì bàn chân nàng phục hồi như cũ. Từ đó, tôi mới biết thêm một món thời trần.

Nhưng mỗi năm tôi chỉ dùng có hai lần thôi để nàng chỉ phải nằm nhà nuôi chân sáu tháng. Còn lại sáu tháng kia nàng phải đi làm. Trong khoảng thời gian chờ đợi đó, tôi ngồi viết sách về những món thời trần.

Văn hóa ẩm thực

Mắm tôm chua độc đáo của xứ Huế?

Thực ra mắm này không phải của người Huế mà là của người Gò Công đất Cửu Long. “*Ăn mắm ngắm về sau*” là bà Từ Dũ (mẹ vua Tự Đức) ra Huế làm hoàng hậu, nhớ quê, bà sai chèo thuyền mang “*mắm tôm Gò Công*” ra thưởng thức món ăn quê hương.

Vì đi đường xa, lâu ngày nên ra tới Huế thì mắm bị chua, từ “mắm tôm Gò Công” thành “Mắm tôm chua Huế” là vậy.

(Trần Quốc Vượng – Văn hóa Việt Nam)

Tiếng Tàu tiếng Việt

“Lạc địa khai hoa, phú quý vinh hoa” nghĩa “xuống đất nở hoa..” mang ý tốt nên họ thích mua quýt trong ngày Tết. Vì “quýt” tiếng Tàu là “cách” nghĩa là “kiết” (không phải “kiết” là nghèo theo tiếng Bắc) ý nói mang sự “kiết tường” vào nhà trong năm mới.

Trong khi người Việt thích sắm “cam, quýt” vì cam, quýt tượng trưng cho nô bộc. Nên người Bắc xưa gọi kẻ hầu người hạ với tên: thằng Cam, thằng Quýt.

(Quách Xuân Sơn – Người Hoa, đồng âm và đầu óc dị đoan)

Giai thoại làng văn 54-75

Trong 20 năm sinh hoạt văn học miền Nam Việt Nam, không có những đụng độ, va chạm giữa nhà văn này với nhà văn khác. Nhưng tất cả mọi “va chạm” nếu có, đều giới hạn trong lãnh vực văn chương, học thuật, với tinh thần tự chế, đầy tương kính.

Như giữa nhà văn Trần Phong Giao và nhà báo Lê Phương Chi, từng có một thời gian lời qua tiếng lại trên tờ Tin Sách. Sau này, hai ông trở thành bạn tâm giao của nhau, tính tới ngày họ Trần qua đời. Cũng thế, giữa thi sĩ Nguyễn Sa và Phạm Công Thiện, từng có lúc bất đồng về một quan điểm triết học. Hai ông đã viết bài nêu rõ quan điểm của mình; với lý luận, lời lẽ rất trí thức.

Ra đường, nếu gặp ai ở các khuynh hướng đối nghịch thì, vẫn là anh em. Không vì thế mà có sự mặt nặng mày nhẹ. Nếu kỹ tính thì, bạn tránh đến những chỗ được coi là nơi thường xuyên lui tới của các nhà văn không “hợp khẩu vị”. Thí dụ :

- Nhóm Sáng Tạo chọn “Đêm Màu Hồng” ở đường Tự Do (của cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương) làm nơi họp mặt thường xuyên.
- Nhóm tạp chí Văn thường gặp nhau ở quán Cái Chùa.
- Nhóm Bách Khoa (gồm các nhà văn công chức, tả/hữu đề huề) ít khi “xuống đường,” họ chọn tòa soạn Bách Khoa ở đường Phan Đình Phùng làm nơi “tọa đàm.”
- Nhóm Trình Bày, tòa soạn ở đường Lý Thái Tổ, chọn phở Tàu Bay (cũng nằm trên đường Lý Thái Tổ) làm “tiền trạm,”..v..v...

Mỗi khu, mỗi vùng, mặc nhiên thuộc về một nhóm, hay một khuynh hướng. Do đó, hiếm khi có vụ “lạc đạn” vì đi lộn chỗ.

(Thế Nguyên- Văn chương dẫn thân)

Hát ả đào



Nghệ thuật múa hát đã được các cụ ta xưa chia làm hai ngành riêng biệt:

- Hát ở đình, miếu là chèo, tuồng.
- Hát ở trong nhà là hát ả đào hay hát cô đầu.

Hát cô đầu có nhiều thể, điệu như hát nói, bông mạt, sa mạt và thường là thơ lục bát. Hát nói phổ biến nhất trong hát ả đào.

Tản Đà, Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát (trừ Nguyễn Du) đều sáng tác hát nói cho con đò hát. Những bài hát nói tiêu biểu nhất là *Hát cô đò* của Tú Xương và *Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết* của Dương Khuê.

(Hoàng Hải Thủy – Đàn bà thời xưa...)

Hội nhà văn IV

Lúc mới thành lập, năm 1957, Hội Nhà văn có một cơ quan ngôn luận riêng: báo Văn; một nhà xuất bản riêng: nhà xuất bản Hội Nhà văn.

Báo Văn do Nguyễn Công Hoan làm chủ bút, Nguyễn Tuân làm phó chủ bút, Nguyên Hồng làm tổng thư ký. Ra được mấy số, báo Văn bắt tay ngay với nhóm Nhân văn – Giai phẩm, đăng thơ của Trần Dần, Phùng Quán, truyện của Phan Khôi, kịch thơ của Hoàng Cầm. Báo Học Tập, cơ quan ngôn luận của đảng phê bình, Ban biên tập của báo Văn đã kích lại. Hậu quả: Nguyễn Công Hoan mất chức chủ tịch Hội Nhà văn, báo Văn và nhà xuất bản Hội Nhà văn bị đóng cửa. Hội Nhà văn mất cơ quan ngôn luận.

(Nguyễn Hưng Quốc – Hội nhà văn Việt Nam)

Ông phỗng



Nguyễn Khuyến là người để ý đến nhân vật phỗng nhiều nhất:

Ông đứng làm chi đấy hỡi ông
Trơ trơ như đá vững như đồng
Đêm ngày coi sóc cho ai đó
Non nước vui đây có biết không?
(Ông phỗng đá)

Người đầu tên họ là gì
Khéo thay trích trích tri tri nực cười
Dang tay ngửa mặt lên trời
Hay còn lo tính sự đời chi đây
Thấy phỗng đá lạ lòng muốn hỏi
Cớ làm sao len lỏi đến chi đây

...

Nên chăng đá cũng gặt đầu.
(Hỏi ông phỗng đá)

Phỗng là tượng người bằng đất, đá, đặt ở đền chùa, miếu mạo, được coi là người đứng hầu nơi thờ tự. Tên *phỗng* từ đâu ra?

Chữ phỗng được viết bằng chữ *bổng* và dấu nháy, một kí hiệu để chỉ rằng đây là chữ nôm. Và được viết bằng bộ nhân và chữ phụng (*nhân+phụng=bổng*). Bộ nhân chỉ người. Phụng nghĩa là hầu hạ nên thích hợp với nhân vật phỗng, một kẻ đứng hầu nơi thờ tự, giữ việc đội hoặc bưng nén.



Ngôn ngữ Việt Nam còn có thêm hai chữ phổng khác:

- Phổng tay trên : lấy hốt của người khác.

- Phổng : gọi ăn trong một ván bài tổ tôm, tài bàn, một con bài thứ ba của bất cứ người nào khi trong tay mình có hai con như thế.

Thành ngữ “ngồi như phổng” và “đứng như phổng đực”, có nghĩa là ngồi và đứng không động đậy, giống pho tượng, hoặc giống ông phổng nơi thờ tự.

(Nguyễn Dư – Chim viết.free.fr)

Dù học dù ngu I

Nghe cái câu dù học dù ngu, nghĩa là càng học càng thấy ngu để mấy ai tin được. Càng học thì phải càng khôn ra, cũng như gừng, quế, "dũ lão dữ tân", càng già càng cay, mới phải cho chớ. Cho đến khi lăn lộn ngoài đời, tôi mới biết rằng có rất nhiều điều mà sách vở và học đường không hề dạy. Học đường học chợ, nghe lóm những bậc trưởng thượng, thấy rằng kiến thức mình "thiên bất đáo, địa bất chí", càng học càng thấy ngu.

Chưa cần nói tới những chuyện trời cao, đất rộng, biển thẳm, núi cao, sông dài chi cho xa, chỉ những câu ca dao, những câu hát ru em huê tình, tai vẫn nghe hoài, miệng cũng có khi hát, tưởng rằng đã hiểu cháo chan, ai dè biết ra, không hiểu 1 cái gì hết.

Hồi nhỏ, chị tôi ru em, vẫn thường hát câu :

[Chim quỳên ăn trái ổi tàu](#)

[Xưng đôi mẹ gà, ham giàu mà chi](#)

Tôi nghe câu này tới thuộc lòng mà không hề thắc mắc. Dễ quá mà, "ổi tàu" là giống ổi ở bên Tàu chứ còn cái gì nữa. Giống ổi ở bên Tàu, dĩ nhiên, phải lớn hơn, phải ngon hơn ổi bên mình, cũng như con ngựa to lớn thì gọi là ngựa Bắc Thảo, con gà, con vịt to con, được gọi là gà Tàu, vịt Tàu ...

Không hề thắc mắc như vậy, cho mãi tới hơn nửa đời người, đọc 1 bài của ông Võ Phiến, mới biết rằng "ổi tàu" ở trong câu hát không phải là giống ổi bên Tàu, mà là 1 loại cây hoang, mọc thành từng lùm từng bụi ở mấy vùng đất gò miền Trung, cây này ở miền Bắc gọi là "hoa cứt lợn" còn ở cái xứ "chó ăn đá, gà ăn muối" của tôi thì gọi là "bông ngũ sắc". Tôi đã từng hái trái của nó, lớn chỉ bằng hột tiêu, để ăn, hái những cái bông của nó để hút chất mật ngọt ở cuống bông, mà đâu biết tên của nó là...ổi Tàu.

(Nguyễn Đức Lập – Góp nhặt trong điện thư)

Thành ngữ hôm nay

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại lại thấy...thừa hai cây

Chữ nghĩa làng văn

Thơ khẩu khí hay khẩu khí bình thường là thứ thơ Lê Thánh Tông hay dùng nhất trong mọi thi sĩ thời xưa, là tả một vật, con vật hay sự việc bình thường, nhưng chọn chữ đặt câu chọn lọc khéo léo như thế nào để làm người đọc phải nghĩ tới một vật, con vật hay sự việc quan trọng hay lớn lao hơn nhiều. Tả một con cóc nhưng làm độc giả nghĩ tới một ông chúa hay vua, tả

một vật trong nhà như cái chổi nhưng làm người đọc nghĩ tới một vị tướng tài ba... Lê Thánh Tông hay làm loại thơ này cốt để chứng tỏ mình đích thực là con vua cháu chúa, vì mẹ ông là con bà thứ, bị hoàng hậu ghen, phải trốn khỏi cung điện nên Lê Thánh Tông lớn lên ở bên ngoài hoàng thành.

Tiếng Việt dễ mà lại khó

Em thấy sự khác nhau giữa các miền về phương ngữ, giọng nói, v.v... nói lên sự phong phú và là niềm tự hào về tiếng Việt. Chính vì cái diversity đó mà em rất yêu tiếng Việt. Sự thật mà nói thì mình thấy tiếng Việt giữa các vùng khác nhau không khó nghe như nhiều người nghĩ. Nếu chúng ta chịu khó thì không những chúng ta học hỏi được rất nhiều từ địa phương mà còn là văn hoá ở địa phương đó.

Người Nghệ Tĩnh nói: Anh em ta như đọi nác đây.

Người Đà Nẵng: Bán ngàn đôn cháu gà.

Người Phú Yên: Chu cha me chay nấu gì mà đông dừ mấy ông.

Người Ninh Hoà: Em ăn xơi hông.

Nếu tất cả toàn thể người Việt Nam cùng nói giọng Hà Nội, cùng có cách phát âm trong bài hát giống như các cô ca sĩ hải ngoại thì chắc là em buồn lắm. Nếu mỗi khi em gặp một người nào vùng nào thì mình cố nhớ giọng nói đó.

Nước Việt Nam chỉ bằng 75% diện tích California, nhưng đi 50-70 chục cây số thì giọng nói lại khác, thức ăn cũng khác. Không chắc gì chúng ta giữ được những cái như vậy. Em sợ một ngày nào đó tô phở Bắc giống hết tô phở Sài Gòn, còn bánh tráng đập đập Hội An thì không tìm đâu ra.

Xin lỗi là đi lạc chủ đề nhưng em nghe nhiều người than phiền về tiếng Việt mà ít khen lắm. Phải hôn?

(Trau dồi tiếng Việt - DatViet.com)

Khách sáo

Mở quyển tự điển Việt Nam của hai tác giả Nguyễn Tài Đức và Nguyễn Tài Tình tra khảo chữ “khách sáo”, lời giải thích là:

Người sinh trưởng hay có máu mủ liên hệ trực thuộc ở miền Bắc.

(Nguyễn Tài Ngọc – Bắc kỳ)

Giai thoại làng văn

Nguyễn Ngọc là người không biết mềm mỏng trong giao tiếp, rất cứng. Anh rất ghét Nguyễn Đình Thi, cho là thằng giả dối. Trong hội nghị, hễ Thi phát biểu, anh bỏ ra ngoài. Anh rất khinh Huy Cận. Anh cho con người nhân cách bản như thế viết hay sao được. Người ta nói, thơ Huy Cận trước kia hay đấy chứ! Anh nói dứt khoát: “*không hay!*”.

Anh rất ghét bọn chấp hành Hội nhà văn từ khoá năm, khoá sáu và tờ Văn nghệ của Hữu Thịnh. Văn nghệ đưa đến, anh vắt ngay vào sọt rác. Hội cấp tiền bồi dưỡng sáng tác cho anh, anh từ chối. Nhà anh ở khu tập thể quân đội số 8 – Lý Nam Đế. Từ cổng đi vào gặp rất nhiều nhà văn quen thuộc. Anh đi một mạch thẳng, chẳng trò chuyện với ai, khinh tuốt. Tất nhiên Tố Hữu rất ghét Nguyễn Ngọc. Tố Hữu từng nói với Tô Hoài: “*Nguyễn Ngọc cứ để nó làm bí thư đảng đoàn thì nó sẽ làm vua*”. Nguyễn Ngọc thì bướng. Tố Hữu thì hách, tất nhiên rất ghét nhau.

Hiện nay Nguyễn Ngọc đang giúp Quảng Nam xây dựng một trường Đại học dân lập ở Hội An. Tôi hỏi anh, xây dựng trường theo kiểu gì? Anh nói vắn tắt: “*Theo kiểu Mỹ*”

Nguyễn Ngọc trước sau vẫn là một con người lãng mạn.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Tiếng Việt trong sáng

Người Việt trong nước gọi “búa sưa” tổ quốc là “nhà nước”, chính phủ là “nhà nước”. Hết “nhà nước” ta đến nhà nước nhà nước I Rắc, nhà nước I Răn, nhà nước Ả Rập, nhà nước Cu Ba..v..v..

Lý do họ “trăn trở” và “bức xúc” không dùng từ “Quốc gia” vì “ky húy” với...*nhà nước Ta*.

Nhất chi mai

Diễn tích *Nhất chi mai* được trích từ tập *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn nói về đời tư của Hồ Quý Ly. Chuyện là lúc còn trai trẻ Hồ Quý Ly đi buôn bằng đường thủy, trên thuyền đọc truyện “*Quảng Hàn Cung Lý Nhất Chi Mai*”, giống như chuyện trên cung trăng có chú cuội với cây đa. Sau làm quan nhỏ trong triều, ngày nọ vua Trần nghỉ ở điện Thanh Thử, nhân đó vua ra câu đối cho các quan: “Thanh Thử điện tiền thiên thụ quế”, nghĩa là trước điện Thanh Thử có cả ngàn cây quế. Hồ quý Ly nhớ lại chuyện cũ liền đối ngay: “Quảng Hàn cung lý Nhất Chi Mai”.

Vua nghe xong giật mình hỏi sao họ Hồ lại biết chuyện vua đang sửa soạn dựng cung Quảng Hàn cho công chúa Nhất Chi Mai. Hồ Quý Ly cứ tình thực mà trả lời, vua Trần cho là số trời nên gả công chúa cho, sau họ Hồ soạn ngôi nhà Trần.

Chữ nghĩa lơ mơ lẫn lẫn

Có chồng phải “áy” ai ơi
Cớ sao anh lại khơi khơi nằm kè?

Làng văn hóa, ấp văn hóa

Theo giáo sư Trần Quốc Vượng (Hà Nội) cho biết thế nào là làng văn hóa, ấp văn hóa. Thật phi lý khi làng này được công nhận là làng văn hóa, còn làng kia thì lại không. Văn hóa là những giá trị vật chất và phi vật chất đã tồn tại từ bao đời nay, có thứ văn hóa từ xưa tới nay vẫn phù hợp với lối sống đương đại, có thứ văn hóa đã phải khuất lấp hoặc biến thể trước dòng chảy ào ạt của thời gian. Ngày xưa văn hóa “trao nắm thê bảy thiếp”, ngày nay văn hóa “một vợ một chồng”, ấy là nếp sống văn minh theo thời đại, không thể gọi ngày xưa là không văn hóa được.

(Trần Quốc Vượng - Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm)

Văn học lưu vong

Tạp chí đầu tiên của những người tị nạn ở Hoa Kỳ là tờ Hồn Việt của Nguyễn Hoàng Đoàn, ra mắt vào tháng 9-1975 ngay trong trại tị nạn Pendleton.

Kế tiếp là Văn (Mai Thảo & Nguyễn Xuân Hoàng), Quê Hương, Nhân Chứng và Tay Phải (Du Tử Lê 1976), Trắng Đen (Việt Định Phương 1976), Phục Quốc (Trọng Minh 1976), Tin Văn (Đông Duy 1976), Đất Việt và Việt Nam Hải Ngoại (Tô Văn & Đinh Thạch Bích 1977), Bút Lửa (Lê Tất Điều 1978), Người Việt và Thế Kỷ 21 (Đỗ Ngọc Yến 1978), Đồng Nai (Dương Hữu Chương & Nguyễn Thượng Hiệp), Diễn Đàn Chủ Nhật (Đình Lưu Nhã), Văn Hóa (Lý Kiến Trúc), Việt Nam Tự Do (Duy Sinh), Văn Học (Nguyễn Mộng Giác), Đất Mới (Thanh Nam), Khởi Hành (Viên Linh), Văn Học Nghệ Thuật (Võ Phiến), Hợp Lưu (Khánh Trường), Văn Nghệ Tiền

Phong (Thanh Thương Hoàng), Sài Gòn Nhỏ và Tân Văn (Hoàng Dược Thảo), ViệtTide (Vũ Quang Ninh), Việt Báo (Trần Dạ Từ & Nhã Ca).

Bồ liễu

Cây liễu, cành mềm rủ xuống, lá rụng sớm hơn hết các loại cây.
Đồng thời chỉ thể chất yếu ớt của phái nữ.

*Phiếu mai chi dám tình trăng gió
Bồ liễu thôi đành phận mỏng manh*

(Nguyễn Thạch Giang – Văn học tập giải)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã (1)

Năm thì mười họa, chiếu trên chiếu dưới trong chốn làng văn xóm chữ có những câu văn, đoạn chữ... “rối loạn tiền đình!”

Như gần đây chẳng hạn với cụ Tản Đà với chiếu hoa một cõi:

“Đồ ăn ngon, chỗ ngồi ăn không ngon, người ngồi ăn không ngon. Không ngon! Đồ ăn ngon, chỗ ngồi ăn ngon, người ngồi ăn không ngon. Không ngon! Đồ ăn ngon, người ngồi ăn ngon, chỗ ngồi ăn không ngon. Không ngon!”.

Văn bài

Một bài văn hay không phải chỉ hay ở câu. Hay, phải hay toàn bài.

Bài hay có thể cứu được những câu dở, nhưng câu hay lại không cứu nổi bài dở. Bởi vậy cách tạo câu, tuy quan trọng, nhưng không quan trọng bằng cách lập ý, tức cấu trúc (bố cục) chung của cả bài.

Lập ý giống như “bày trận”. Mỗi câu, mỗi ý và mỗi chi tiết được phải được sắp xếp làm sao để chúng có thể hỗ trợ cho nhau, hô ứng với nhau, tăng cường sức mạnh cho nhau, cuối cùng, đạt được mục tiêu tối hậu:

Để lại một ấn tượng thật sâu trong lòng người đọc.

Trận đánh kết thúc ở câu/đoạn/ý cuối cùng. Theo tôi, người không biết kết thúc một bài văn cũng giống như một người chơi cờ mà không biết cách...chiếu tướng.

(Nguyễn Hưng Quốc – Kinh nghiệm viết văn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã (2)



Xa hơn nữa, trong chốn trường văn trận bút, nhà phê bình danh tiếng của Tàu là Kim Thánh Thán (1608-1661) khi ca tụng Tây Sương Ký, cũng có những câu văn, đoạn chữ... “rối loạn tiền đình”, như dưới đây chẳng hạn...

Phán quan Thánh Thán dậy:

“Chuyện hay tất là văn phải hay, mà văn hay tất là chuyện phải hay vậy...Đến như như “chuyện ấy” thật là chuyện hay, mà viết ra văn lại không phải là văn hay, thì “chuyện ấy” chưa

chắc đã là chuyện hay...Vì sao? Vì văn không hay tất là chuyện không hay mà chuyện không hay cho nên văn không hay vậy...”.

(Nhượng Tống dịch tháng 1-1942)

Dù học dù ngu II

Nghe cái câu dù học dù ngu, nghĩa là càng học càng thấy ngu dễ mấy ai tin được. Càng học thì phải càng khôn ra, cũng như gừng, quế, "dũ lão dữ tân", càng già càng cay, mới phải cho chớ. Cho đến khi lặn lội ngoài đời, tôi mới biết rằng có rất nhiều điều mà học đường không hề dạy. Nói đầu xa, chỉ những câu ca dao, những câu hát ru em huê tình, tưởng rằng đã hiểu cháo chan, ai dè biết ra, không hiểu 1 cái gì hết, như:

Trách ai ăn giấy bỏ bìa

Khi thương, thương vội, khi lia, lia xa

Câu này thì tôi có thắc mắc, giấy thì làm sao mà ăn? "Ăn giấy bỏ bìa" là làm sao? Tại sao hạng người "ăn giấy bỏ bìa" khi thương lại thương vội, khi lia lại 1 mạch lia luôn theo kiểu "hạ thủ bất lưu tình"? Tôi đem những thắc mắc này hỏi nhiều người, kể cả những ông thầy dạy Việt Văn, nhưng không có ai trả lời nghe xuôi tai được. Cho mãi tới sau khi đổi đời, "gĩa đại qua ải" (mà chút xíu nữa thành đại thiệt), về ở rẫy, tôi mới được nghe giải thích thỏa đáng câu hát này.

Người dạy tôi là bà Ba Thời. Bà này, cạo đầu, ăn chay trường, tu tại gia, không ăn trâu, nhưng hút thuốc phun khói còn hơn là đầu máy xe lửa. Bà có biệt tài chữa bệnh bằng phương pháp cắt lể rất mát tay. Nhiều người, trong đó có tôi, nhờ bà chữa trị mà lành bệnh được. Đặc biệt bà có 3 con dao để lể, 1 cái bằng vàng, 1 cái bằng bạc, 1 cái bằng đồng, cái nào cũng chỉ lớn bằng cây móc tai. Tùy theo con bệnh nặng nhẹ mà bà dùng con dao nào để lể. Bà, người nằm thấp, hơi nói về chiều ngang, mấy ngón tay mũm mĩm no tròn như nải chuối cau, nhưng cắt lể cho bệnh hơn, bà làm coi bộ gọn gàng nhậm lệ khéo léo lắm.

Tôi khoái nhất là cái màn được bà se se mấy sợi tóc, rồi giựt nghe...cóc cóc.

(Nguyễn Đức Lập – Góp nhặt trong điện thư)

Minh tinh

Bài thơ khóc cụ Phan Thanh Giản, cụ Nguyễn Đình Chiểu có câu:

"Minh tinh chín chữ lòng son tạc – Trời đất từ đây mặc gió thân".

Minh tinh - Minh: khắc vào. Tinh: mảnh gỗ, vải hay giấy.

Minh tên là tên học, chức tước người quá cố khắc vào gỗ hay viết vào giấy, vải đi trước quan tài (còn gọi là *"triệu"*)

Minh tinh là sao sáng, tiếng Việt bây giờ là...người đẹp (sao siêu).

Tiếng Việt

Như ta đã thấy, nhiều dân-tộc trên thế-giới phải vay mượn ngôn-ngữ của nước khác để làm ngôn-ngữ cho dân-tộc mình. Trong khi đó Tiếng Việt ta có một giá-trị độc-đáo là ngôn-ngữ chung cho cả một dân-tộc, thứ tiếng thống-nhất có 80 triệu người nói thuần- túy Tiếng Việt như là ngôn-ngữ chính. Điều hãnh-diện nữa là Tiếng Việt được các nhà ngôn-ngữ-học xếp vào một trong 40 ngôn-ngữ có nhiều đặc thù nhất trên thế-giới.

Ưu-điểm khác là Tiếng Việt được viết theo vần ABC, không kém gì các thứ chữ tân- tiến hiện nay. Ta lại đặc-biệt sáng-chế ra năm dấu Sắc, Huyền, Hỏi, Ngã, Nặng để viết được tất cả Tiếng Việt theo âm-điệu trầm bổng của một ngôn-ngữ đơn-âm. Không những phong-phú mà Tiếng Việt còn có âm-điệu uyển-chuyển nên thơ văn dễ phát-triển, nói lên được tất cả những

cảnh vật muôn hình vạn trạng...

(Lê Thương – Tiếng Việt hồn Việt)

Hỏi

Xin hỏi “Ăn cơm hót”...nghĩa là gì?

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Nếu biết rằng em đã lấy chồng
Anh về bắt vịt nhỏ sạch lông
Tiết canh làm đại vài ba đĩa
Mượn rượu cho nguôi vết thương lòng

Chữ nghĩa làng văn

Chính sự giao lưu giữa các nền văn hóa ở miền núi đã sản sinh ra những loại từ như "chó má", "tre pheo", "vườn tược".

"Chó", "tre", "vườn" là tiếng Việt,
- "má" là tiếng chỉ "chó" của người Tày (to ma).
- "pheo" và "tược" là tiếng chỉ "tre" và "vườn" của người Mường.

Cũng như "hầm bà lằng" là xuất phát từ tiếng Ba Na mà ra.

(Trần Quốc Vượng - Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm)

Văn hoá chửi !

Lời bà mắng gà trong *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan:

" Làng trên xóm dưới, bên sau bên trước, bên ngược bên xuôi! Tôi có con gà mái xám nó sắp ghe ổ, nó lạch ban sáng, mà thằng nào con nào, đưa ở gần mà qua, đưa ở xa mà lại, nó dang tay mặt, nó đặt tay trái, nó bắt mắt của tôi, thì buông tha thả bỏ nó ra, không thì tôi chửi cho đó!

Chém cha đứa nào bắt gà nhà bà! Chiều hôm qua, bà cho nó ăn nó hãy còn, sáng hôm nay con bà gọi nó nó hãy còn, mà bây giờ nó đã bị bắt mất. Mà muốn sống mà ở với chồng với con mà, thì buông tha thả bỏ nó ra, cho nó về nhà bà. Nhược bằng mà chấp chiếm, thì bà đào mả thằng tam tứ đại nhà mà ra, bà khai quật bật sáng thằng ngũ đại, lục đại nhà mà lên. Nó ở nhà bà, nó là con gà, nó về nhà mà, nó biến thành cú thành cáo, thành thần nanh đở mỗ; nó mổ chồng mổ con, mổ cả nhà mà cho mà xem! Ới cái thằng chết đâm, cái con chết xía kia! Mà mà giết gà nhà bà thì một người ăn chết một, hai người ăn chết hai, ba người ăn chết ba. Mà xuống âm phủ thì quỷ sứ thần linh nó rút ruột ra...

(Trau giời tiếng Việt - ĐatViet.com)

Tục ngữ Tàu và Ta

Cát kê yên dụng ngưi đao

(Cắt tiết gà há dùng dao mổ trâu)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Chia xẻ, chia sẻ

Có một người bắt bẻ một nhà văn viết "*chia xẻ*" với chữ "x" mà ông ta cho là sai. Một người khác dẫn chứng nhiều từ điển thì cũng có cuốn viết là "*chia sẻ*" với chữ "s".

Để đóng góp phần nào thống nhất cách viết trong khi chưa ai có thẩm quyền về chính tả riêng tôi không câu nệ sách Hà Nội, Sài Gòn xưa hay hải ngoại mà khi phân vân vẫn dựa theo hai cuốn "*Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị*" của Lê Ngọc Trụ và cuốn "*Từ Điển Chính Tả Thông Dụng*" của Nguyễn Kim Thản. Tôi không tuyệt đối theo hai tác giả này vì có khi họ cũng mâu thuẫn nhau.

Trong trường hợp đó đành dùng theo cách quen dùng từ xưa như một truyền thống.

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bẻ bẻ)

Tiếng Việt mới tại Ba Lan

Tắc-xi : Những người làm nghề kéo xe chở hàng thuê ngoài chợ.

Soái : Âm chỉ những chủ hàng người Việt ở Nga, Ba Lan.

Khu PKS hay "đường tàu" : Tên chợ của người Việt tại Vac-sa-va.

Câu thần chú "Uwaga" : Chú ý, cẩn thận (tiếng Ba lan)

Chú Sứ : Cách gọi chung cán bộ, nhân viên sứ quán.

Phun thuốc sâu : Cách gọi lái đi của chữ "Phó tiến sĩ"

(...trích từ những truyện ngắn ở Đông Âu của Trần Hoài Văn)

Chữ nghĩa làng văn

*Ăn sung nằm gốc cây sung,
Lấy nhau thì lấy, nằm chung không nằm.*

Câu này phát xuất từ xứ Huế, miền Trung. Câu sau có một chữ khác biệt: Lấy *anh* thì lấy, nằm chung không nằm.

Sung là một loại cây có trái mọc từ thân, từ gốc tới ngọn. Người ta không cần đứng, không cần với, mà nằm ở gốc cây cũng có thể hái được trái sung. Không với tay mà hái, thì chờ nó rụng vào mồm! Đó là thái độ của những người lười biếng, được diễn tả trong câu: *Chờ cho sung rụng nằm dài gốc cây!*

Cây sung có nhiều liên hệ với cụ Phan Bội Châu (1867-1940) kể từ tháng 7.1925, cụ bị Pháp bắt cóc tại ga Bắc Trạm, gần Thượng Hải, rồi đưa cụ về giam lỏng tại Huế. Từ đó, cụ Phan sống những ngày tàn trong một ngôi nhà nhỏ ở xóm Bến Ngự, cụ đã sống nơi đây, chia thì giờ giữa căn nhà nhỏ với con thuyền đậu bến nhà vua xưa, núp bóng cây sung già cổ, cho nên có lẽ từ nơi này đã phát xuất câu phong dao nói trên.

Ngoài ra, cây sung cổ và chiếc thuyền nan của ông già bến ngự trong mười mấy năm trời vẫn là hình ảnh cổ điển dính liền với sông núi thần kinh. Cây sung tượng trưng cho ẩn sĩ là vì: hoa ẩn núp bên trong trái, cho nên gọi là giống *ẩn hoa*, thấy trái mà chẳng thấy hoa, phải chế làm đôi mới thấy, cho nên người Trung Hoa gọi là *vô hoa quả*, ngược lại với các giống hoa khác, có hoa trước rồi mới thành quả sau, gọi là *hiển hoa*.

(nguồn Wikipedia)

Tự điển tiếng Việt đóng hộp

Con gì hay la mắng, la hét?

- Con la.

Con gì về già hay nhăn nhó, khó chịu?

- Con...vợ.

Tiếng Việt trong sáng

Thực ra “Tiếng Việt trong sáng” ở trong nước bây giờ có một số chữ họ dùng lại đã có trong tự điển cũ như “cải tạo”, “sự cố”..v..v..

Chỉ có điều dường như họ muốn dẹp bỏ bất cứ từ ngữ nào mà phe Ta đã sử dụng và thay vào những chữ ghép Tàu tàu...đôi khi không cần thiết (hoành tráng) và sai bét (động thái)...

Và nếu có dùng chữ Việt thuần túy thì dài dòng, tối nghĩa và ngô nghê như “tên lửa đất đối không” hoặc “tàu sân bay”...

Vậy chữ “*bóng thám không*” là cái của nợ gì đây?

Xin thưa: “*bóng thám không*” là...khinh khí cầu!

(Nguyễn Thiện Ân – Việt Tide)

Điệp ngữ màu sắc

Tiếng Việt rất phong phú về điệp ngữ mà tiếng nước khác không có. Tiếng Tàu diễn tả nét đậm lợt của màu sắc chỉ có một vài như “hoàng hoàng”, “âm âm”.

Trong khi tiếng Việt đầy rẫy, như...

Xanh thì *xanh lơ, xanh biếc, xanh um, xanh lè, xanh rờn, xanh non, xanh ngắt*..v..v..

Đỏ thì *đỏ hồng, đỏ chói, đỏ chót, đỏ rực, đỏ lòe, đỏ lòm*..v..v..

(Nguyễn Triệu Việt – tạp chí Tân Văn)

Dù học đủ ngu III

Nằm trên võng, chưa ngủ được, tình cờ mà tôi học được thể nào là “*ăn giấy bỏ bìa*”.

Ngồi trên bộ ván ngựa, bà Ba Thời trải rộng tờ giấy quyển, lớn bằng tờ nhật trình khổ lớn. Bà cẩn thận xếp đôi chiều dọc của tờ giấy, bà xếp đôi nữa, rồi lại xếp đôi nữa. Bà dùng dao rọc theo những lần xếp. Tờ giấy, như vậy, được rọc ra thành tám mảnh, chiều dài vẫn giữ nguyên. Tự nhiên, bà nói :

- Rọc giấy như vậy kêu bằng *ăn giấy*. Miếng giấy, tao rọc làm 8 vụn, kêu bằng ăn 8, nhiều người thành 16 vụn, kêu bằng ăn 16, điều thuốc ngắn ngắn, kéo chưa đủ 3 hơi đã hết. Tao thà chịu tốn giấy, ăn 8, đừng vẩn điều nào đáng điều này, hút mới đã.

Tôi còn mừng hơn là khi không bắt được vàng thoi bạc nén vì bỗng dưng, bà ngâm nga :

“*Trách ai ăn giấy bỏ bìa - Khi thương, thương vội, khi lia, lia xa*”.

Bà cất giọng liền :

-Thằng Tám, mày thấy không ? Giấy quyển đâu có bìa, hồng có cái gì đáng mà phải bỏ hết.

Vậy mà có những kẻ ăn giấy, bày đặt bỏ trên, bỏ dưới. Những kẻ ăn giấy bỏ bìa này chánh thị là ba cái quân điều bộ lỏng nhách, phí phạm bạc hãn không ai bằng.

Bà ngậm ngùi ngang: “Tao khổ gần 1 đời cũng vì ba cái quân “*ăn giấy bỏ bìa*” này đây ... Bị, hồi đó, tao nghèo quá ...”

Té ra, giấy ở đây là giấy quyển để vắn thuốc, và ăn giấy là như vậy đó, chứ giấy không lẽ bỏ vô miệng mà ăn được. Và, có nghe bà Ba Thời giải thích như vậy, tôi mới hiểu được tại sao cái kẻ “*ăn giấy bỏ bìa*” lại “*khi thương, thương vội, khi lia, lia xa*”.

(Nguyễn Đức Lập – Góp nhặt trong điện thư)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ngu không phải là cái tội

Cái tội là không biết mình ngu

(Người ven đô Hà Nội)

Câu cú

Giáo sư dạy văn, đồng thời cũng là nhà phê bình văn học, ông đã phê bình văn học miền Bắc những câu cú què quặt, ngược nghĩa, ngô ngọng như sau:

Có lẽ cũng nên nhớ lại rằng trước kia, khi chưa tiếp xúc với văn minh, văn hoá và ngôn ngữ Pháp, rồi chịu ảnh hưởng của tiếng Pháp, trong tiếng Việt, cái đại từ nhân xưng số nhiều chúng hiếm khi được dùng hoặc nếu có, thì thường chỉ dùng cho người và *loài vật*, chứ không cho *đồ vật*. Và nhiều khi đại từ nó được dùng cho cả số ít lẫn số nhiều. Cụ Tú Xương nghe thiên hạ chúc nhau:

Lẳng lẳng mà nghe *nó* chúc con
Sinh năm đẻ bảy được vương tròn
Phổ phường chật hẹp người đông đúc
Bồng bế nhau lên *nó* ở non...

Xin lưu ý: *nó* chứ không *chúng*, mặc dù rõ ràng đó là số nhiều.

Thằng với...ông

Chữ Hán “thượng” là trên, qua chữ Nôm có một, hai nét ngang, đọc để gọi là “*thằng*”. “Thượng” đi với “thằng” ít lâu, người Việt ta gọi là...”*ông*”. Chỉ người...đàn ông.

(Trần Quốc Vượng – Văn hóa Việt Nam)

Văn chương truyền khẩu

Trước khi có dòng văn học chữ viết, người bình dân ta đã biết diễn tả tính tình và tư tưởng dưới dạng truyền khẩu (tục ngữ, thành ngữ, ca dao, truyện cổ tích...v.v.). Văn chương bình dân tuy không có qui luật, phép tắc nhất định, nhưng rất hay và phong phú, biểu lộ tính tình, phong tục của ta một cách phóng khoáng, chất phác và chân thực. Văn chương chữ viết chỉ là một phần của văn học Việt Nam, văn chương truyền khẩu gồm tục ngữ, ca dao và truyện cổ tích mới chính là nguồn gốc của nền văn học nước ta.

Di sản văn hóa đẹp thì nhìn dưới nhãn quan nào cũng đẹp, đó là những vẻ đẹp khác nhau. Tuy nhiên, nghiên cứu và tìm hiểu nền văn học Việt mà thiếu cái nhìn nhất quán về nguồn gốc của nó thì sẽ dễ làm lẫn giữa phương tiện và cứu cánh, đưa đến hậu quả tai hại là chỉ nhìn từng mảng, từng phần mà không thấy được bức tranh tổng thể tinh thần của nền văn học Việt Nam.

(Trần Gia Thái – Nguồn gốc văn học Việt Nam)

Giá sách cũ làng văn 1975-2010

Lớp nhà văn từ 70 tuổi trở lên...

Những nhà văn còn sót lại của lớp tuổi trên 70 có thể đếm trên đầu ngón tay. Như Doãn Quốc Sĩ sau 1975, ở hải ngoại, ông cho xuất bản *Minh lại soi mình* (1981), *Người vái tứ phương* (1982), *Dấu chân cát xóa*, *Cỏ đùm* (1997). So ra, văn nghiệp thời kỳ sau 75 của ông kể là sút giảm... Võ Phiến với *Văn học miền Nam tổng quan*, *Thư gửi Bạn*, *Lại thư gửi Bạn...* Thanh Nam kể như ông đã không sáng tác được gì từ khi ra hải ngoại, ngoại trừ một số bài thơ cảm khái về số phận. Hoàng Hải Thủy vẫn viết cho các báo chợ và mới cho xuất bản cuốn *Những tên biệt kích cầm bút*, (2000). Chuyện không có gì đặc biệt, chẳng nhấn gửi được gì, cũng chẳng nói lên được gì, hoặc gây một ấn tượng đặc biệt nào. Người đọc cũng thấy rõ sức viết của ông không còn nữa. Viết như thể cho xong, tầm nhàm giống như cuốn sách *Những tên*

biệt kích cầm bút có thể nói là tầm thường, điển hình cho một loại sách viết đã hết hơi. Người đọc ông lấy làm thất vọng.

Võ Đình với *Xứ sấm sét* (1987), *Đóa sen và nụ cười* (1990), *Sao có tiếng sóng* (1991) được kể là một trong số những nhà văn viết muộn ở hải ngoại, nhưng viết có chất lượng, khá hay với một văn phong riêng, chải chuốt và đặc sắc.

Nói chung trong số tất cả những nhà văn vừa nêu trên, sức sáng tác vừa có sự sa sút rõ nét về phẩm cũng như về lượng. Thanh Nam kể như tắt tiếng. Hoàng Hải Thủy sa sút đến chẳng còn gì để nói. Trừ Võ Phiến và Võ Đình có những tác phẩm được kể là sáng giá. Dù vậy, nó cũng không đủ gây một cú sốc đặc biệt trong văn học Hải ngoại. Nó vẫn chưa có được tầm vóc như độc giả mong đợi, nhất là trong trường hợp Võ Phiến. Một mặt khác, nó báo hiệu một thời kỳ suy tàn khó tránh khỏi.

(trích Hiện trạng lão hóa nơi các nhà văn Hải ngoại)

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Tiếng Việt miền Bắc nè:

Năm 2002, Tí lùn về đi ra vịnh Hạ Long, ở lại khách sạn, sáng ra Tí lùn kêu, 2 trứng hột gà ốp la, 1 ổ bánh mì, và cho xin 1 chén nước tương. 30 phút sau, Tí lùn được là:

2 cái trứng chiên (hong phải ốp la, mà y như luộc)

1 ổ bánh mì

1 chén tương ớt

Bó tay

Khánh sạn tại thành phố Hà Nội, gần 36 phố phường, kêu 1 tô phở, cho đem ra 1 tô hủ tiếu, hồng rau hồng giá, chỉ có hành bào. Xin 1 chén nước mắm được trả lời là hồng có Bó luôn chân

Lên tới Sapa, người ta nói Tí lùn nói tiếng gì mà hồng hiểu

Mẹ ơi! Tui nói tiếng Việt Nam mà người VN hồng hiểu á.

(Trau giỏi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Dương Khuê với *Trăng nước Hồ Tây*

Dương Khuê đã phóng bút bài thơ *Trăng nước Hồ Tây* (theo Thái Văn Kiểm, tựa bài đúng ra là *Hà Nội tức cảnh*) có câu:

Phát phơ ngọn trúc trắng tà

Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương

Thế kỷ 16, chúa Tiên xuôi nam vào Thừa Thiên, xây chùa Thiên Mụ. Gần đây có câu được coi là ca dao:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương

Thôn Vĩ Dạ có làng Thọ Xương phía tây chùa Thiên Mụ khoảng cách hơn mười cây số đường chim bay, thì làm sao nghe được tiếng gà gáy te te. Đúng ra phải là "Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương". Vì theo Đại Nam Thống Nhất Chí, đình gò Long Thọ ở xã Nguyệt Biều phía nam sông Hương đối diện ngay với chùa Thiên Mụ được vua Gia Long đổi tên là... Thọ Cương.

(Phụ chú: Vân Trì Dương Khuê (1836-1898) quê Vân Đình, Hà Đông. Đỗ tiến sĩ thời Tự Đức, tổng đốc Nam Định và Ninh Bình).

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

“Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư” thì một trong ba ông thầy ấy hình như có một ông thầy còn...đốt hơn ta!

Câu đối

Nguyễn Tử Mẫn, được gọi là Nguyễn Hiệp Hòa (1820-1901) có câu đối đi vào văn học: Sáng sáng ăn sáng rồi, cầm quyển mới, kỳ cui ký cú viết vài trương, đoạn thu gương mắt, xếp khăn tay, giắt bút vào tam sơn, ngả lưng ngáy khò khò chờ tối xuống.

Ngày ngày ngủ ngày dậy, vớ câu cũ, phều phào phều phào mấy khẩu, đứng dậy ngắm chậu hoa, nhìn cây thế, rê chân đi bách bộ, vỗ tay cười khanh khách đón trăng lên.

Chữ nghĩa tiếng Việt

Theo thời gian các từ Hán Việt bị đọc trại đi, như:

- "mạn tính" bị đọc thành "mãn tính".
- "khuyến mãi" bị đọc thành "khuyến mại".
- "mại dâm" bị gọi là "mãi dâm"
- "năng nổ" bị đọc là "năng nổ"

Rồi thì lâu ngày "sai lâu thành đúng".

(nguồn Wikipedia)

Bích Câu...

“*Bích Câu* kỳ ngộ” là cuộc gặp gỡ kỳ ngộ giữa Tú Uyên và Giáng Kiều. *Bích* là màu xanh, *câu* là dòng nước.

Bích Câu là địa danh gần Văn Miếu. Chùa Bà Ngô, cũng có tên là chùa Ngọc Hồ ở phố Sinh Từ xây trên đất Bích Câu xưa kia.

Ca dao

Ca dao là thơ, được gạn lọc từ thời này qua thời khác do những thi sĩ khuyết danh. Cách gieo vần hạ chữ tài tình, giàu âm thanh mộc mạc, gợi cảm.

Tưởng như vô tình nhưng khó có thể thay thế câu, chữ được:

Người xinh cái bóng cũng xinh

Người giòn cái *tính tình tình* cũng giòn

Vậy chứ cái *tính tình tình*, là cái gì đây?

(Nguyễn Phú Long – báo Xây Dựng)

Ca dao Tàu

Việt Nam và Trung Hoa là hai nước duy nhất trên thế giới có ca dao. Ca dao của Tàu có tên là Kinh Thi do Khổng Tử (551-479? TTL) thu thập và san định lại những bài ca dao nơi thôn quê và những bài hát khi có yến tiệc, tế lễ nơi triều miếu. Kinh Thi gồm bốn phần là quốc phong, tiểu nhã, đại nhã, và tụng, nhưng chỉ riêng có phần quốc phong là gồm những bài ca dao, còn những phần khác là các bài hát trong triều đình (tiểu nhã), bài hát trong miếu đường (đại nhã), bài hát ngợi khen các vua đời trước (tụng). Kinh Thi của Tàu chỉ có một phần là cao dao mà lại là những câu ca dao cổ từ thời nhà Chu trở về trước, trong khi ca dao Việt Nam tồn tại và phát triển liên tục từ thời thượng cổ tới hiện đại. Kinh Thi của Tàu nghèo nàn vì hạn chế và bất biến còn ca dao Việt Nam có đời sống phong phú và sống động theo thời gian quả là một kho tàng văn học độc đáo có một không hai trên thế giới vậy.

(Trần Gia Thái – Nguồn gốc văn học Việt Nam)

Tam sao thất bản

Ba lần chép lại (sao lại) thì mất hẳn gốc. Ý nói trong văn chương trải qua nhiều năm, chép đi chép lại nhiều lần không thể nào đúng theo nguyên bản được.

Cùng có có người viết “tam thao thất bản”, nghĩa kể lại một chuyện do ba người lập đi lập lại nhiều lần thì sai hẳn sự thật.

Chữ nghĩa di tản

Thị trường sách báo Việt ngữ ở hải ngoại lúc này thật là khởi sắc. Đa số các nhà văn, nhà thơ, nhà báo nổi tiếng trước năm 1975 đều đang có mặt tại hải ngoại, đông đảo nhất là ở Hoa Kỳ. Mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau. Đợt ra hải ngoại đầu tiên, tạm gọi là Di Tản, gồm có nhà văn Nhị Lang, nhà văn Võ Phiến, nhà văn Lê Tất Điều, nhà thơ Nguyễn Sa, nhà văn Thanh Nam, nhà văn Tuý Hồng, nhà thơ Hà Huyền Chi, nhà văn Linh Bảo, nhà văn Minh-Đức Hoài-Trình, nhà văn Vũ Khắc Khoan, nhà văn Xuân Vũ, nhà thơ Du Tử Lê, ký giả Thái Lân, nhà văn Cao Thế Dung, nhà thơ Trần Quốc Bảo, nhà thơ Hà Bình Trung, nhà thơ Vi Khuê, họa sĩ Ngọc Dũng, ký giả Phạm Trần, ký giả Thái Linh..v..v ..

Đợt thứ hai, sau năm 1975, tạm gọi là Thuyền Nhân, gồm có nhà văn Nhật Tiến, ký giả Vũ Thanh Thủy, ký giả Dương Phục, nhà văn Mai Thảo, nhà văn Trần Hoài Thư, nhà thơ Hà Thúc Sinh, nhà văn Triều Khê, nhà văn Chu Tấn, v.v Có thể nói rằng đợt Thuyền Nhân này đông đảo nhất. Đợt sau cùng gồm những văn nghệ sĩ kém may mắn hơn vì đã bị tù đày trong lao tù Cộng sản, ít nhất cũng phải 5 năm, cho nên đã được chính phủ Hoa Kỳ cho đi theo diện HO.

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bèo bèo)

Dù học dù ngu IV

Nhiều câu thành ngữ, nghe người ta nói, hay đọc trong báo chí, sách vở, riết rồi quen, tôi cũng nói y theo như vậy, không cần biết đúng trật. Thí dụ như câu "Một kiếng hai què". Câu này, người ta vẫn nói và tôi vẫn nói theo, để chỉ người đàn ông có 2 vợ..

Một dịp tình cờ, tôi nghe một bà chị bày tỏ ý kiến 1 cách nhẹ nhàng, không cần thuyết phục người nghe: Phải nói là "Một kiếng hai huê" mới đúng.

Nghe xong, tôi giật mình. Té ra, bấy lâu nay mình quen miệng nói theo người ta, trật lất mà mình không biết. Một chậu kiếng mà trồng 2 loại hoa khác nhau, để chỉ người đàn ông 2 vợ là phải quá rồi. Từ cái câu "Một kiếng hai huê", mới hợp với câu ca dao :

*"Một bồn một kiếng tuổi xanh
Một chàng, hai thiếp khổ anh nhiều bề"*

Đó, như đã nói, có nhiều câu nhiều chữ, nói riết thành quen, rồi hiểu cũng theo 1 thói quen, không cần tìm tới tận gốc cái nghĩa đích thực của nó.

(Nguyễn Đức Lập – Góp nhặt trong điện thư)

Tết

Người Việt ngày nay gọi thu gọn là Tết. Xưa kia, nếu gọi đầy đủ thì dân gian nói là “Tết Cả”. Nghĩa là tết hàng đầu, tết to nhất, quan trọng nhất cho...cả năm. (Vì ta còn có tết con như Hàn thực, tết Đoan nguyệt, tết Trung thu, tết Cơm mới...)

Hay theo Hán-Việt với “tên chữ” là Tết Nguyên Đán.

Nguyên là đầu tiên. Đán là buổi sớm. Theo nguyên nghĩa nguyên đán là buổi sớm đầu tiên của ngày đầu tiên, của tháng đầu tiên "giêng" (riêng) của năm mới.

(Trần Quốc Vượng – Văn hóa Việt Nam)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Trước kia thời bao cấp ở miền Bắc, cái gì cũng phải qua hệ thống "phân phối" của nhà nước, từ cây kim, sợi chỉ đến mảnh quần, manh áo. Vì thế mới có câu truyền miệng trong dân gian:
Cái cứt gì cũng phân
Phân gì cũng như cứt

Nghi vấn văn học về thành ngữ và thơ

"Sơn bất cao, thủy bất thâm, nam đa trá, nữ đa dâm", có tác giả cho là câu này của Minh Mạng ám chỉ đất Nghệ An của bà Hồ Xuân Hương. Đồng thời ngoài bài thơ "Thiếu nữ ngủ ngày" với những câu "Yếm đào trễ xuống dưới nương long – Đồi gò bông đảo sương còn ngậm – Một lạch đào nguyên suối chữa thông". Theo truyền thuyết bà còn có bài "Thiếu nữ ngủ ngày" khác:

Sáng trăng em tưởng tối trời
Em ngồi em để sự đời em ra
Sự đời bằng cái lá đa
Đen như mồm chó, chém cha sự đời.

"Em ngồi em để sự đời em ra" vì cái váy. Qua một bài viết, tác giả trên cho rằng vua Minh Mạng ác cảm với những bài thơ của ba Hồ Xuân Hương nên mới có câu "Sơn bất cao...". Đồng thời cùng với tín ngưỡng của người Chăm, vua sai quan bộ Lễ Hoàng Công Lý: "Cung nhân luân, chính tâm thuật, giới dâm tặc, thận pháp thù". Thế là quan bộ Lễ cho dẹp tín ngưỡng phồn thực ở miếu Trò, thôn Trám, tiếp đến là...cái váy:

Tháng tám có chiếu vua ra
Cắm quần không đậy người ta hãi hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì bóc lột quần chồng sao đang.

Thật ra thì chưa chắc đã là tháng tám vì sử nhà Nguyễn chép: tháng 10 năm 1828, truyền đổi cách ăn mặc từ sông Gianh trở ra Bắc. (Quốc triều chính biên toát yếu). Minh Mạng cấm đàn bà đàn ông ngoài mặc cái "vừa bằng cái thúng mà thủng hai đầu, bên ta thì có bên Tàu thì không". (Vua muốn Ta mặc quần theo Tàu).

Khoảng thời gian Hồ Xuân Hương mất trước đó 10 năm.

Chữ nghĩa làng văn

Rượu Ngang tức địa danh làng Ngang, thời Tây là rượu lậu. Hay rượu quốc lủi. Gần đây trong nước có tên là...cuốc lủi.

(Phan Nghị - Bữa gọi cá mè cuối năm)

Văn học trong nước

Theo Nguyễn Huy Thiệp: "...Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam người ta đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng, sáng tạo và hầu hết đều... "vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa, nhìn chung là lảng nhãng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả. Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa chuyện này

vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: "*Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ/ Hôm qua nó bảo: Dì thơ vào l.../ Vợ tôi nửa dại nửa khôn/ Hôm nay lại bảo: Dì l... vào thơ!*", tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực trên thực tế cái danh nhà thơ là một thứ nhìn chung chỉ là nhăng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hăm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa".

(Nguyễn Huy Thiệp – Trò chuyện với hoa thủy tiên...)

Thơ...lơ mơ lố mố

Rụng rời Hàn Mặc Tử

Thơ chưa ra khỏi bút
Giọt mực đã rụng rời
Lòng tôi chưa kịp nói
Giấy đã toát mồ hôi.

Nét đặc biệt trong tiếng Huế

Tiếng Huế không phải chỉ đơn giản *tê mô rãng rưa* như vẫn xuất hiện trong thơ và văn xuôi như những nét chấm phá rất dễ thương để nói về người và xứ Huế; mà nhức đầu, phức tạp, nhiều khê, đa dạng và phong phú hơn nhiều. Tùy địa phương của Huế, cách phát âm có chỗ nặng nơi nhẹ; lúc thanh tao khi khó hiểu.

Chữ *đẩn*, ngoài ý nghĩa một trong bốn cái nhất của đời người trên còn có nghĩa như *ăn*: "*Đẩn cho bura rồi đi nghệ*".

(Ăn cho no rồi đi ngắm gái).

Đẩn cũng có nghĩa là *đánh đòn*:

"*Đẩn cho hấn một chập!*"

(Đục cho hấn một hồi!).

Chữ *đẩn* còn được phong dao Huế ghi lại:

Được mùa thì ché cơm hằm

Mất mùa thì đẩn cơm thi

(Nguồn ĐatViet.com)

Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

"Bất thị quan trường, vi đạo tặc.

Bất tri tửu đạo, bất hiền nhân"

(Có thể không làm quan mà vẫn là kẻ cướp. Nhưng nếu không hiểu đạo lý của rượu, thì không phải bậc hiền nhân).

Chữ nghĩa làng văn

Năm 1991, tu bổ ngôi mộ Tú Xương bên bờ hồ Vị Xuyên. Sở Văn hoá Nam Định dựng bia đá xanh. Mặt này khắc 2 dòng trích từ bài thơ *Sông Lấp* của Tú Xương bằng chữ Nôm cùng chữ quốc ngữ:

Vẳng nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi đò

Đúng ra là: "*còn tưởng*" chứ chẳng phải "*lại tưởng*".

Mặt kia khắc 2 câu đối và ghi chú là của Nguyễn Khuyến:
Kìa ai chín tuổi xương không nát
Có lẽ ngàn thu tiếng vẫn còn

Đúng ra 2 câu đối ấy là:
Nào ai chín tuổi *xương* không nát,
Có nhẽ trăm năm *miệng* vẫn còn.

Vì đối với “*xương*”, rõ ràng *miệng* chính hơn, hay hơn *tiếng*. Thành ngữ *ngàn năm bia miệng* còn khiến cho mọi người hiểu thối hai câu đối của người quá cố.”

Chưa hết: Hai câu đối trên không phải của Nguyễn Khuyến mà là của Đoàn Triển. Đoàn Triển tự Doãn Thành, hiệu Mai Viên, sinh tại làng Hữu Thanh Oai. Đỗ cử nhân Ân khoa Bính Tuất 1866, niên hiệu Đồng Khánh I. Năm Kỷ Sửu 1889, được bổ Viên ngoại Nha Kinh lược Bắc Kỳ. Sau đó, Đoàn Triển đảm các chức Tri phủ Kinh Môn, Nam Sách, An sát Hà Nội; Tuần phủ Ninh Bình, Hà Nam; Tuyên phủ sứ Bắc Giang. Trước tác của Đoàn Triển hiện còn: *An Nam phong tục*, *Mai Viên chủ nhân quy điển lục*, *Nhi tôn tất đọc*. Ngoài ra, Đoàn Triển còn có thơ đề ở quán Trấn Vũ, văn bia chùa Quang Âm, câu đối ở đàn tổ họ Đoàn và sinh phần của bản thân.

(Phanxipăng - Nào ai chín tuổi...)

Tục ngữ phong dao

Phải đợi đến năm 1928, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (13) cho ra đời bộ *Tục Ngữ Phong Dao* lúc đó thi ca dân gian Việt Nam mới được hệ thống hóa, xếp đặt theo thứ tự A, B, C và từ ít tới nhiều chữ (quyển 1 thuộc về phương ngôn, tục ngữ, có hơn 6,500 câu từ 3 đến 23 chữ, quyển 2 thuộc về thể ca dao có hơn 8,500 câu gồm các bài từ 4 câu trở lên). Đây là một tài liệu công phu và giá trị, thu thập các câu tục ngữ, phong dao của ta từ thời thượng cổ đến đầu thế kỷ thứ 20.

Giai thoại làng văn

Nguyễn Tường Tam là một người hành động, một người làm việc cần cù, tin ở tài mình, ở khả năng mình, tin ở cố gắng của mình. Chính một phần vì thế mà anh đã thành công trong việc xây dựng Tự Lực Văn Đoàn, nhưng Nguyễn Tường Tam, nhà khoa học, có khi lại không tin hoàn toàn nơi óc khoa học và tổ chức khoa học của anh.

Nhưng không như Nguyễn Tường Long hay Võ Đức Diên đi theo thầy Ngô Hùng Diễn để học về tướng số (Nguyễn Tường Long học tướng số được ngót ba năm thì bị bắt), Nguyễn Tường Tam mỗi khi có công việc khó giải quyết, thắc mắc trong lòng, thường hay nhờ các anh em tướng số xem giùm "xem ra thế nào".

Bây giờ các bạn còn sống của anh thường hay nhắc đến một bữa cơm có mặt Võ Đức Diên, Trần Tấn Cửu và Nguyễn Tường Tam, cả ba cùng tuổi Bính Ngọ (năm nay 65 tuổi âm lịch) nhờ một người bạn quen xem tướng số. Nhà tướng số nói rằng tuổi đó, mà sinh vào những ngày giờ nói trên, chết không mấy an nhàn, có khi lại gặp những sự hiểm nghèo ghê gớm. Chính vì thế, cần "sửa tướng", và cũng vì thế nên lúc nào Võ Đức Diên cũng mặc quần áo đen, cạo đầu trọc. Còn Nguyễn Tường Tam thì nhà tướng số khuyên nên để râu và suốt đời một vài thứ khác nữa, nhưng dường như Tam chỉ "nghe theo" có một nửa – nghĩa là để tí ti râu và chỉ để râu thôi – nên về sau này nhà tướng số nghe thấy tin anh dùng được quyền

sinh cứ vỗ đùi đen đét than trời "Nếu mà nghe tôi thì đâu đến nông nỗi này!".

(Vũ Bằng - Nguyễn Tường Tam, một nhà văn "đa bất mãn hoài")

Chữ nghĩa làng văn

Theo nhà văn Đặng Trần Huân thì nhóm Tự Lực Văn Đoàn có 7 thất tinh là Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, Xuân Diệu.

Cũng theo nhà văn Doãn Quốc thì nhóm Sáng Tạo cũng có 7 thất hiền là Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Trần Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền.

Văn học miền Bắc

Cho đến nay, với nhiều bạn đọc và một số đồng nghiệp, sự có mặt của văn xuôi Nguyễn Huy Thiệp vẫn là một cái gì "khắc không ra nuốt không vào". Đọc thì có đọc, trong bụng thậm chí là say mê nữa, nhưng vẫn không muốn công nhận. Bởi so với thứ văn họ quen đọc và cái họ vẫn viết thì Nguyễn Huy Thiệp là cả một sự phá cách. Không đi theo những nền nếp cũ. Rất nhiều điều người khác chỉ thì thào nói vụng nói trộm thì ông nói buột ra, và đã nói là không hối hận. Nhưng đó cũng chính là nhân tố làm nên chỗ mới của Nguyễn Huy Thiệp, kể cả trong các tiểu luận.

"Trừ đôi ba người thực sự xuất chúng, còn nhìn chung văn chương của các cụ ta ngày xưa và những nhà văn hiện đại ngày nay, so với các dân tộc khác, phải thừa nhận là kém cỏi". Thông thường, những ý nghĩ như thế không ai dám viết trên mặt giấy. Nhưng Nguyễn Huy Thiệp đã viết, và nếu như không đồng ý hoàn toàn thì nhiều người đã bắt đầu thấy sự có lý của nó.

Những khi bàn về một số đồng nghiệp, những chữ xuất hiện dưới ngòi bút ông thường là: *sơ xuất, nhằm lẫn, sự bất chước lối bịch, vị kỷ, hư đốn, đều cáng, bắt lương* - toàn những "đức tính" khiến người ta ghê ghê. Một lần khác ông nói toẹt ra: "Khoảng hơn chục năm trở lại đây trở lại đây ở Việt Nam không có những nhà văn có phong độ khí phách lớn. Đến ngay cả nỗi buồn cũng không phải là nỗi buồn lớn" (nếu lấy lại bản in trên báo thì người ta nhớ là ông còn nói đến tình trạng *điên điên khùng khùng, chấp cheng, hăm háp, quá khích, vớ vẩn...*). Nghe cũng dễ sốc nhưng chỉ cần tự hỏi "Làm sao mà người ta có thể nói được sự thật về xã hội trong khi sự thật về chính cái giới của mình thì lảng tránh?" sẽ thấy Nguyễn Huy Thiệp có lý.

(Vương Trí Nhàn - Giăng lưới bắt... lý luận)

Truyện chớp: Không đề

Vừa qua trên đường phố Hà Nội xảy ra một vụ án nghiêm trọng. Nạn nhân là một người ăn mày bị giật chiếc dây chuyền vàng bởi một người...cụt tay ngồi trên chiếc Honda @ do một người cụt chân đèo.

Bên đường có một người mù...nhìn thấy kể cho một người điếc nghe. Người điếc bảo người câm gọi điện thoại di động cho công an. Đến giờ vẫn chưa bắt được thủ phạm...

Văn học hải ngoại

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác, trong bài "Tình trạng lão hoá trong sinh hoạt văn học" cho biết những nhà xuất bản uy tín trước đây như Văn Nghệ, Thanh Văn, An Tiêm...ngày càng ngại bỏ tiền xuất bản sách, nhất là loại sáng tác như thơ, tiểu thuyết. "Tình trạng trước kia sách in ra nhiều nhưng chất lượng không bao nhiêu, độc giả đứng trước rùng sách nhiều màu không biết nên mua sách nào sau nhiều lần "trao thân làm tướng cướp" quyết định không mua sách nữa, không có người mua sách thì ngành xuất bản sa sút kéo theo động cơ thúc đẩy việc sáng tác... Cái vòng lẩn quẩn không lối thoát ấy có thể xảy ra cả trong nước, nhưng ở hải ngoại trầm trọng hơn do tình trạng lão hoá của sinh hoạt chữ nghĩa."

Lão hóa theo Nguyễn Mộng Giác là một khi người cầm bút chỉ nhằm viết cho những người cùng cảnh ngộ lưu vong như mình đọc, thì họ sẽ cứ viết như lâu nay họ đã từng viết: “tiếc nuôi một thời hoàng kim đã mất, xót xa trần trở với những khổ ải đã trải qua, lật từng trang bồi hồi với những kỷ niệm đẹp, mơ ước ngày trở về có khải hoàn môn dựng trên khắp nẻo đường và gặp lại một quê hương y nguyên như thời hoàng kim cũ.”

Có thể nói thêm là lão hoá không chỉ ở người viết mà còn cả ở người đọc nữa, bởi vì ở hải ngoại số người đọc báo Việt và văn chương Việt ngày như một giảm xuống. Cứ nhìn vào các tạp chí văn chương như Văn Học, Hợp Lưu hay Văn thì biết. Đã đến lúc người viết nhận ra rằng tác phẩm của một nhà văn không chỉ nhắm vào một nhóm người, mà là cho cả một dân tộc nếu không có tham vọng có một readership lớn hơn, vượt khỏi biên giới của một nước. Những câu hỏi rất cũ đặt ra cho người cầm bút như Viết cho ai? Viết cái gì? Viết như thế nào? Bây giờ vẫn còn có thể đặt lại trong một ý nghĩa mới.

(Nguyễn Xuân Hoàng - Văn học Việt Nam trong và ngoài nước)

Chữ nghĩa làng văn

Thứ nhất *phạm phòng*

Thứ nhì *lòng lợn*.

Xưa, có hai điều độc địa nhất là *phạm phòng* và *lòng lợn*.

Phạm phòng là nhập phòng làm tình, thành linh bị đứng tim tắt thở. Tây y gọi là thượng mã phong. Muốn cứu chữa, phải kịp thời lấy kim chích nơi huyết hội âm (hui-in). Huyết hội âm ở giữa đường nối liền hậu môn và các gốc hai hòn nơi vùng bàn đít. Huyết này thuộc hệ thống nhâm mạch.

Gặp trường hợp nguy biến đó, người đàn bà phải nhanh trí, lấy kim chích gấp hội âm. Cho nên ngày xưa, người đàn bà nào cũng có sẵn một cái trâm ghim búi tóc để phòng hờ làm cái việc giải nguy đó. Theo tục lệ xưa, các bà mẹ gói sẵn cho con gái đi lấy chồng một bao nhỏ đựng 3 cây kim, nhét vào lai áo, để dùng trong ba việc: May vá, chích lúc đau đầu và châm vào hội âm chồng lúc nguy cấp.

Cái nguy hại thứ hai là *lòng lợn*. Lòng lợn ăn ngon lắm, nhưng phải rửa và luộc thật lâu và thật chín, vì mầm vi trùng đã nằm sẵn trong ấy, nhất là trong ruột non và ruột già. Nếu ăn nhầm và lòng xấu, đã hư hôi, sẽ bị nhiễm độc, cho nên phải hết sức thận trọng trong khi ăn cháo lòng, tiết canh, lòng lợn...

(nguồn Wikipedia)

Chữ nghĩa văn học I

Trong sách giáo khoa lớp 10, sách *Bồi dưỡng* cho giáo viên, trang 55 có tiết mục sau.

- Theo Đại Cáo Bình Ngô, Nguyễn Trãi viết “*Bại nhân nghĩa nát cả đất trời – Nặng thuế khóa sạch không đầm núi...*”

Chỉ đạo thực hiện:

Gợi ý các giáo viên lên án tố cáo kẻ thù hành động hủy diệt môi trường sống. Giáo viên cần lưu ý cho học sinh rằng bằng linh cảm thiên tài, Nguyễn Trãi người xưa của ta đã đề cập đến vấn đề “bảo vệ môi trường sống”.

(Hoàng Duy – Chữ nghĩa ngày nay)

Về từ Hán Việt

Một nhật báo viết: “*khai trương* nghĩa trang ở nam Cali”.

Khai trương dùng cho mở cửa tiệm hay cơ sở giao dịch buôn bán.

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Chữ nghĩa làng văn

Lê Quỳnh Mai - Truyện ngắn của chị có nhiều chữ lạ như *ngôi, ngấn ngấn, to hó, nhào, nhuôm nhuôm, chín chu*. Như thế, có cần một chú thích cho các độc giả?

Lê Minh Hà - Không có từ nào thật lạ, thật sáng tạo của riêng tôi trong số những từ chị vừa dẫn. Những *ngôi, nhào nhuôm nhuôm*, tôi học từ các bà các chị ở quê tôi. *To hó*, từ này tôi mượn của ông Tô Hoài từ trước năm 45. *Ngấn ngấn* tôi học được từ mấy anh chị đi từ miền Nam. *Chín chu* thì có trong tự điển vậy thì đâu có cần chú thích. Chúng ta phải tự làm giàu có vốn từ cho mình bằng cách đọc và học. Ngôn ngữ văn học mỗi từ lấp lánh những nét nghĩa riêng trong từng văn cảnh cụ thể, và xác định nghĩa từ thông qua văn cảnh.

(Lê Quỳnh Mai phỏng vấn Lê Minh Hà)

Chữ nghĩa thập niên 30, 40

Tàng: cũ

Chợn: sợ.

Tao đoạn này: Thời buổi này, giai đoạn này.

Đốt đồng rằm: đốt cháy âm i (thường là một đồng chấu) cốt có khói để xua bớt tử khí.

Chữ và nghĩa thổ ngữ (II)

Do hiện tượng *dị hóa*: Hai âm tố giống nhau nhưng đứng gần nhau, âm tố này làm cho âm tố kia khác với nó. Có ba địa danh thuộc kiểu này:

Bà Bèo là kinh nổi sông Tiền và sông Vàm Cỏ, chảy qua Cai Lậy, Tân Phước (Tiền Giang) và Châu Thành (Long An). Vương Hồng Sển cho biết âm gốc của địa danh này là *Bàu Bèo*. Người Khmer gọi kinh Bà Bèo là *Cumnik Prêk Cak* tức “kinh rạch bèo”.

Bà Hói là rạch ở Nhà Bè, Sài Gòn. Trên bản đồ thời Pháp thuộc ghi rạch này là *Bàu Hói*: “rạch ở giữa có chỗ phình rộng”.

Bà Môn là rạch ở Bình Chánh, Sài Gòn. Nguyễn Văn Trấn, người địa phương, cho biết âm gốc của địa danh này là *Bàu Môn*, tức “cái bàu có trồng môn nước”.

Dạng gốc của ba địa danh này (*Bàu Bèo, Bàu Hói, Bàu Môn*) đều là hai âm tiết có vần tròn môi cho nên khó phát âm. Vì vậy, chúng cần *dị hóa* cho dễ phát âm. Từ đó, dạng gốc của các địa danh Bà Hom, Bà Quẹo có thể là *Bàu Hom* (bàu ngâm hom tre), *Bàu Quẹo* (bàu nằm ở chỗ quẹo của một con đường). Ở Bình Chánh có cống *Quẹo*; ở Cần Giuộc có vùng *Lộ Quẹo*.

(Lê Trung Hòa – Những địa danh bị đổi sai lệch)

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Tiếng Việt miền Bắc nè:

Có lần tui ra Hànội. Cả nhóm đi ăn trước, tui bận việc tới sau. Tui ngồi vô bàn và kêu cô bồi: Cho anh thêm *chén* dưa đi bé.

Chút sau cô bồi hay cô bé trở lại đưa cho tui 1 đôi dưa và 1 cái *ly nhỏ* dùng uống rượu.

(Trau giỏi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Miến và mì

Chữ Nôm *Mì* (Huỳnh Tịnh Của, *Bảng tra chữ nôm* của Viện ngôn ngữ học) được viết bằng chữ *Miến* (chữ Hán). *Mì* của ta và *Miến* của Trung quốc đều có nghĩa là sợi đồ ăn làm từ bột. Miến và mì chữ Hán, chữ Nôm viết giống nhau. Miến và mì có nghĩa giống nhau. Rốt cuộc, miến và mì là anh em ruột.

Miến đã được Việt hoá thành *Mì*. Củ sắn dùng làm miến (tiếng Bắc) hay mì (tiếng Nam) nên được người miền Nam gọi là củ mì, khoai mì.

Tự vị của Huỳnh Tịnh Của không có miến, chỉ có mì. Tự điển của Thiều Chửu không có mì, chỉ có miến. Người Bắc quen dùng tên miến. Người Nam quen gọi tên mì.

Vậy thôi! Thế đấy!

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

Ngoa ngữ

Ngoa ngữ là câu nói bỡn cợt. Người dân quê không nói chữ sáo mòn, nhưng biết dùng ngoa chữ rất đúng chỗ:

Cửa chua ai thấy chẳng thèm
Em cho chị mượn chồng em vài ngày
Chồng em đâu phải *trâu cà*
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm

Cửa chua chỉ cho đàn ông. Ví von chồng với *trâu cà*. Đúng là ngoa chữ táo bạo gọi thanh và gọi hình. Cái ấy của đàn ông không nói thẳng ra nên không thô.

(Diệu Tân – báo Xây Dựng)

Chùa và đình

Đình làng xuất hiện muộn. Chùa vốn có trước đình.
Phải chăng tiền thân của đình làng chỉ là ngôi miếu.

Ngôi đình sớm nhất hiện còn là đình Thụy Phiêu (Hà Tây) dựng năm 1531.

(Chu Quang Trứ - Văn Hóa Việt Nam)

Những hình dạng mới của chữ nghĩa

Một giáo sư ngữ học dạy khoa Văn tại Đại học tổng hợp ở Hà Nội cho biết nhiều nhà văn, nhà thơ thành danh đã phạm những lỗi ngữ pháp kéch sù đó là cái lỗi có tên là trùng ngôn (tautology) một lỗi rất nặng cả về tiếng Việt, về tư duy lôgích, như:

- "*Chủ yếu nhất*" hoàn toàn không hiểu rằng "chủ yếu" đã có nghĩa là "*quan trọng nhất*" rồi. Trong trường hợp này, ta có những lỗi trùng ngôn (tautology); đều có chung ý nghĩa "cực cấp" tuyệt đối (hay "tối cao") như nhau, ta lâm vào tình trạng mâu thuẫn nội tại.

Văn học miền Nam (I)

Gần đây, chúng tôi cố gắng đưa vấn đề Văn học miền Nam trở lại văn đàn, vì có những người thực sự yêu văn chương ở trong nước muốn tìm hiểu về những tác giả và tác phẩm đã bị loại

trừ sau 30/4/1975. Chúng tôi xin giới thiệu Vương Trí Nhàn, một trong những nhà phê bình miền Bắc đã không ngừng tiếp cận với văn học miền Nam từ thời kỳ phân chia Nam Bắc đến ngày nay – Thụy Khuê

Thụy Khuê: Xin hỏi anh trước năm 1975, ở Hà Nội thời ấy đã có ai đọc một vài tác phẩm của Văn học miền Nam hay không?

Vương Trí Nhàn: Văn học miền Nam hồi đó về Hà Nội ít ỏi lắm, gần như của cấm, muốn đọc phải mò mẫm đi tìm; tìm thấy rồi, đọc thấy hay rồi, muốn kêu lên với mọi người cũng phải tự nén lại.

Song, một số chúng tôi biết rằng có nó, một người muốn làm văn học phải tìm tới nó, từ Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Tô Hoài, Nguyễn Khải... hay lớp trẻ bọn tôi như Lưu Quang Vũ, Bằng Việt... đã nghĩ như vậy. Một cách lặng lẽ, chúng tôi đã liên tục tìm kiếm. Có thể là chẳng ai hiểu văn học miền Nam cho đến đâu đến đâu, có thể sự hiểu chỉ loanh quanh ở những mảnh vụn, nhưng làm sao khác được, vừa đọc vừa đoán thêm tưởng tượng thêm. Và đã có một sự chia sẻ thậm chí như là giữa hai bên hình như vẫn có một cuộc đối thoại ngầm nữa, ban đầu chỉ có phải vậy.

Sau 1975, nhìn trên bề mặt dễ có cảm tưởng là cả giới viết văn Hà Nội đều nem nép đi theo quan niệm chính thống chỉ đạo. Tức coi văn chương miền Nam là bỏ đi, những người viết văn ở Sài Gòn trước kia toàn kẻ thù cả. Thực tế không phải thế. Nói người ta cứ nói, mà đọc người ta cứ đọc.

Càng ngày tôi càng nghe được nhiều ý kiến nói rằng phải công nhận rằng văn học miền Nam là một bộ phận của văn học Việt Nam thế kỷ XX, ở đó có rất nhiều vấn đề, nhiều đóng góp và phải có nó nữa thì văn học Việt Nam mới là chính mình.

(Thụy Khuê: Nói chuyện với nhà phê bình Vương Trí Nhàn)

Văn học miền Nam (II)

Gần đây, chúng tôi cố gắng đưa vấn đề Văn học miền Nam trở lại văn đàn, vì có những người thực sự yêu văn chương ở trong nước muốn tìm hiểu về những tác giả và tác phẩm đã bị loại trừ sau 30/4/1975. Chúng tôi xin giới thiệu Vương Trí Nhàn, một trong những nhà phê bình miền Bắc đã không ngừng tiếp cận với văn học miền Nam từ thời kỳ phân chia Nam Bắc đến ngày nay.

Thụy Khuê: Anh nghĩ công nhận Văn học miền Nam như thế nhưng vẫn còn nhiều người nghĩ ngược lại anh, tại sao vậy?

Vương Trí Nhàn: Sở dĩ đôi lúc người ta khó công nhận Văn học miền Nam là hình như họ nghĩ như thế này: nếu công nhận Văn học miền Nam thì [Văn học] miền Bắc coi như là thua, là kém, là không ra gì cả, thậm chí là hỏng, là vứt đi. Cách nghĩ "chỉ có một [nền văn học] thôi" là không phải, phải nói chúng ta có cả hai [nền văn học], và hai bên tiếp cận, và bổ sung cho nhau.

Tôi nghĩ độ một trăm năm sau, nếu muốn nhìn lại xã hội Việt Nam thế kỷ XX, thì cần phải đọc cả hai. Nền văn học miền Bắc, tôi tạm gọi là văn học của chiến công, nền văn học lôi cuốn người ta đi vào cuộc chiến tranh. Còn nếu giờ đây có ai muốn đi tìm những tình cảnh con người trong chiến tranh thì tôi khuyên họ hãy tìm đến phần văn học miền Nam. Đọc từ Võ Phiến, Mai Thảo, Y Uyên, Nhật Tiền, Thế Uyên... những tác phẩm của Nhã Ca, Phan Nhật Nam, hay những bài thơ của Nguyễn Bắc Sơn, chỗ nào tôi cũng thấy chiến tranh, xa gần đều có dây dưa tới chiến tranh.

Nếu trong truyền thống, chúng ta có mảng văn học thôi thúc con người hành động, ví dụ như *Bình Ngô Đại Cáo* hay thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, thì Văn học miền Bắc nổi truyền thống đó rất rõ. Ngược lại, nếu đi tìm cái mạch nối tiếp truyền thống của Nguyễn Du, Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Tú Xương, tức là tìm tới thứ văn học về con người, cả tình thế bi thương, đau đớn, cả sự bơ vơ, bất lực, trong đời sống này không biết tìm ra lối nào để đi đích nào để hướng tới...thì tôi thấy ở Văn học miền Nam rõ hơn đầy đủ hơn.

(Thụy Khuê: Nói chuyện với nhà phê bình Vương Trí Nhàn)

Chữ nghĩa...mỏng manh

Số mệnh chữ nghĩa mỏng manh như số phận con người. Thời gian như thước đo chiều dài ngắn của chữ nghĩa, đồng thời cảnh báo về cái hữu hạn của nó. Cũng vậy, theo sách vở, chữ *manh* nghĩa là *nhỏ mọn*. Người đời chỉ còn nhớ vầng vất khi nó đi với chữ khác như mong manh, *tan manh*, chiếu manh, manh áo, *manh mún*.

Mấy ai còn nhớ, còn biết, còn sử dụng những chữ Việt cổ trên.

Văn học lưu vong

Phần lớn những người cầm bút lưu vong hay bị day dứt cái mặc cảm tự ti, không những tự ti với dòng văn chương ở quốc gia mình định cư mà còn tự ti với cả dòng văn học ở cố quốc. Sự kiện đứng bên lề và sự kiện xa cách tuyệt đối với độc giả khiến khái niệm "danh vọng" trở thành hảo huyền: ngay cả những người xuất sắc nhất trong chúng ta cũng chỉ "nổi tiếng" trong một phạm vi thật nhỏ, chủ yếu với một nhóm bạn bè và những người quen biết. Theo tôi, đây là lý do chính giải thích hiện tượng tại sao có một số cây bút rõ ràng là có tài năng nhưng chỉ đến với văn chương một thời gian ngắn rồi chia tay không một chút luyến tiếc.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác, trong bài "Triển vọng của văn học hải ngoại", đã tự hỏi: "Vì sao thế?" Vì biết cái ma lực của chữ viết, nhất là lúc đã thành chữ in và tới được tay bạn đọc. Chữ viết trên bản thảo định hình được những điều mông lung rồi rầm chất chứa trong lòng tác giả, những điều tác giả tưởng đã biết rõ nhưng thực ra không biết nhiều, đến nỗi khi thành chữ, chính tác giả cũng kinh ngạc ngỡ ngàng. Tiếng vọng từ phía bạn đọc mang cho tác giả những dư âm đa dạng kỳ thú (hay kỳ dị), đưa cả tác giả lẫn tác phẩm vào một cuộc phiêu lưu mới. Những đợt sóng ấy tiếp nối, đợt sau đẩy đợt trước, người cầm bút miên man hết cuộc phiêu lưu này đến cuộc phiêu lưu kia, thắm thoát theo nghiệp văn vài chục năm lúc nào không hay".

Trong câu hỏi của Nguyễn Mộng Giác đã có sẵn câu trả lời. Thời ông cầm bút ở Việt Nam, những tiếng vọng liên tục từ phía độc giả có khả năng tạo nên những "dư âm kỳ thú (hay kỳ dị) đưa cả tác giả lẫn tác phẩm vào một cuộc phiêu lưu mới". Còn ở hải ngoại thì làm gì có những tiếng vọng như thế? Ở hải ngoại, đăng một bài viết trên báo hay in một cuốn sách, rồi ngỡ chừng như nói vào ống điện thoại chưa nổi đường dây. Lặng ngắt. Không nghe gì cả, kể cả một lời chê, một tiếng chửi, cũng không có.

Hoàn toàn lặng ngắt.

Viết văn, ngày xưa, là một danh phận; sau này, vừa là một danh phận vừa là một nghề. Ở hải ngoại, viết văn không thể là một nghề nghiệp mà trên thực tế, cũng không còn là một danh phận.

Viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn của những người bị bất lực.

(Nguyễn Hưng Quốc - Sống và viết như người lưu vong)

Chữ và nghĩa thổ ngữ (III)

Do hiện tượng *dị hóa*: Hai âm tố giống nhau nhưng đứng gần nhau, âm tố này làm cho âm tố kia khác với nó. Có nhiều địa danh thuộc kiểu này.

Do hiện tượng *biến âm*: Biến âm do ngữ âm địa phương. Chẳng hạn, vì không phân biệt các âm đầu *ch - tr, s - x, v - d - gi*, một số âm chính *o - ô, ă - â*, một số vần tận cùng bằng *t - c, n - ng*, hai dấu *hỏi - ngã*, nên nhiều địa danh bị sai lệch ở âm đầu, vần, thanh điệu hoặc hai, ba bộ phận trên.

- Biến âm ở *phụ âm đầu*:

Hàng Sanh → *Hàng Xanh* (Sài Gòn) - *Vòng Trôm* → *Giồng Trôm* (Bến Tre)...

- Biến âm ở *vần*:

Các Bà → (đảo) *Cát Bà* (Hải Phòng) - (Thuận) Hóa → *Huế* - rạch (cây) Gầm → *Gầm* (Tiền Giang) - huyện Xương Mộc → *Xuyên Mộc* (Bà Rịa – Vũng Tàu) - rạch Ong → *Ông* - Các Lái → *Cát Lái* (Sài Gòn); Hùng Ngự → *Hồng Ngự*; Cầu Lãnh → *Cao Lãnh* (Đồng Tháp)...

- Biến âm ở *thanh điệu*:

Vi Dã → *Vĩ Dạ* (Huế) - kinh Tế → *Tê* - Thạnh Đa → *Thanh Đa*.

(Lê Trung Hòa – Những địa danh bị đổi sai lệch)

Cửa già

Cửa chùa. Tiếng nhà Phật gọi chùa là "*già lam*" (hay cửa già). *Truyện Kiều* có câu:

Gió quang mây tạnh thanh thoi

Có người đàn việt lên chơi cửa già

(Nguyễn Thạch Giang – Văn học tập giải)

Chữ nghĩa văn học II

Trong sách giáo khoa lớp 10 (bộ nâng cấp) đưa ra mô hình trắc nghiệm sau.

Bài thơ *Thuật hoài* của Phạm Ngũ Lão được sáng tác trong thời kỳ nào?

A : nhà Tống - B : nhà Đường - C : nhà Minh - D : nhà Thanh.

Ai cũng biết Phạm Ngũ Lão là danh tướng đời Trần. Người viết sách dốt sử như thế nên đưa ra đáp án như vậy!

(Hoàng Duy – Chữ nghĩa ngày nay)

Chữ nghĩa tiếng Việt

Lê Quỳnh Mai - Trong truyện của nhà văn Lê Minh Hà có những câu: " Tốt số hơn bố giàu, Một năm đi Pháp bằng một giáp đi Nga, Dân bụi chẳng dám bắc bếp nấu ăn, nằm lăn đánh bạc". Có phải hồi nhỏ nhà văn Lê Minh Hà ảnh hưởng tiếng ru bằng ca dao tục ngữ của mẹ và bà?

Lê Minh Hà - Mẹ tôi mất rất sớm. Nên nếu nói tới những ảnh hưởng của mẹ thì tôi chỉ nhớ rằng nhờ mẹ tôi mà tôi biết nhạc tiền chiến, nhạc vàng, theo cách định danh kỹ quặc hàm ý phê phán ở miền Bắc lúc bấy giờ. Nhưng có thể là tôi thừa hưởng gien lạnh từ ông Nội bà Ngoại thật. Bà Nội tôi không biết chữ, nhưng nói mười câu là phải ba bốn câu ca dao tục ngữ. Ông ngoại tôi chịu ảnh hưởng thơ tiền chiến, và cũng làm thơ rất nhiều, thuộc thể hệ " thanh thần một gia tài vui nửa mộng" thời kháng chiến. Tuy nhiên, tôi cũng phải nhắc đến những bà

lão nhà quê mà tôi có dịp ngồi hóng chuyện, những hàng xóm trong khu tập thể mà tôi đã sống 30 năm. Họ là một kho từ ngữ đầy biến ảo.

(Lê Quỳnh Mai phỏng vấn Lê Minh Hà)

Chữ nghĩa thập niên 30, 40

Khương mười niên: rất lâu rồi.

Chông lỏn: nói năng đanh đá, xác xược; trái với dịu dàng, lễ phép.

Đúc: cho đập mái, lấy gà con.

Tiếng Việt, dễ mà khó

Các con số đếm cần chính xác, cũng không thoát khỏi luật biến âm. Như số 1, chẳng hạn. Đứng một mình là một. Đứng trước các con số khác cũng là một. Nhưng khi đứng sau các con số khác, trừ số 10, nó lại biến thành "mốt": hai mươi mốt; ba mươi mốt, bốn mươi mốt. Những chữ "mốt" ấy chính là biến âm của "một".

Không phải lúc nào "mốt" có nghĩa là một: "Mốt" trong một trăm mốt hay trong một ngàn mốt, một triệu mốt... không phải là một.

Con số 5 cũng vậy. Đứng một mình là năm. Đứng trước các số khác cũng là năm. Nhưng khi đứng sau các số, từ 1 đến 9, nó lại biến thành "lăm": mười lăm, hai mươi lăm... Con số hai mươi lăm ấy lại được biến âm thêm một lần nữa, thành hăm nhăm. Số ba mươi lăm cũng thường được biến âm thành băm nhăm. Từ số bốn mươi lăm trở lên thì chỉ có một cách rút gọn là bốn lăm; năm lăm, sáu lăm, bảy lăm, tám lăm, và chín lăm chứ không có kiểu biến âm như hăm nhăm và băm nhăm.

Con số 10, cũng vậy. 10 là mười. Nhưng từ 20 trở lên thì "mười" biến thành "mươi": hai mươi, ba mươi, bốn mươi... Dấu huyền bị biến mất. Có điều, "mươi" không phải lúc nào cũng có nghĩa là mười. Trong nhóm từ "mươi cái áo", chẳng hạn, "mươi" lớn hơn hoặc nhỏ hơn 10: một con số phỏng định, ước chừng, băng quơ.

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

Chữ nghĩa làng văn

Chúng ta còn tìm thấy quả sung trong một thành ngữ nữa là: *"Ăn quả vả, trả quả sung"*. Quả vả to bằng nắm tay, thịt dày, quả sung nhỏ và tròn. Cả hai thuộc họ cây si, cây đa, cây bồ đề mà đức Thích Ca ngày xưa ngồi tham thiền 49 ngày và giác ngộ. Câu *Ăn quả vả, trả quả sung*, ngụ ý rằng: ăn thì nhiều mà trả thì ít. Thành ngữ quả vả và quả sung cũng còn ngụ ý: vay trả không tương xứng, trong hai người, có một người khô, và một người đại, chớ đại lần thứ hai!

Bây giờ chúng ta xét tới câu thứ ba:

Bao giờ đường ngọt nước cay
Gánh dừa lon gạo *thầy tặng* ở tù.

Câu này phải sửa lại như sau mới đúng:

Bao giờ nước ngọt đường cay,
Gánh vựa lon gạo *thằng tây* ở tù.

(Phụ chú: Câu sau không hẳn là đúng vì "thầy tặng" ở câu trên nói lái là...*thằng tây*)
(nguồn Wikipedia)